

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ M
TỈNH TIỀN GIANG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: **137/2021/HNGĐ-ST**

Ngày: 20-12-2021

V/v tranh chấp “Ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ M TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà **Cao Thị Trúc Linh.**

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Nguyễn Tất Ái.

1. Bà Lê Thị Bé Bảy.

- Thư ký phiên tòa: Ông **Nguyễn Văn Trọng** – Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.

Ngày 20 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Mỹ Tho xét xử sơ thẩm vụ án thụ lý số 338/2021/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 5 năm 2021 về tranh chấp “Ly hôn”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 112/2021/QĐXXST-HN ngày 25 tháng 11 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh **Bùi Quang V**, sinh năm 1984.

Địa chỉ: ấp Điền Thạnh, xã Long Bình Đ, huyện Chợ G, tỉnh Tiền Giang

2. Bị đơn: Chị **Phạm Thị Thu T**, sinh năm 1990.

Địa chỉ: tổ 13, ấp Tân Tinh A, xã Tân Mỹ Chánh, thành phố M, tỉnh Tiền Giang

(Anh V có đơn xin vắng mặt, chị T vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn ly hôn, và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn **Bùi Quang V** trình bày: anh và chị **Phạm Thị Thu T** cưới nhau từ năm 2013, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Long Bình Đ, huyện Chợ G, tỉnh Tiền Giang vào ngày 18/01/2013. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc nhưng đến cuối năm 2013 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình không phù hợp, bất đồng quan điểm sống, cả 02 đã sống ly thân từ cuối năm 2013 cho đến nay. Nhận thấy tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh yêu cầu Tòa án giải quyết các vấn đề sau:

- Về hôn nhân: Anh yêu cầu được ly hôn với chị **Phạm Thị Thu T**.
- Về con chung: Không có.
- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là chị **Phạm Thị Thu T** đã được Toà án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng chị T không gửi văn bản nêu ý kiến của mình và vắng mặt không rõ lý do.

Tại phiên tòa, nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt và vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn vắng mặt không rõ lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1]. Về tố tụng:

Nguyên đơn anh Bùi Quang V yêu cầu được ly hôn với chị Phạm Thị Thu T có địa chỉ tại xã Tân Mỹ Chánh, thành phố M, tỉnh Tiền Giang. Căn cứ quy định khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự xác định là tranh chấp ly hôn, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố M.

[2]. Sự có mặt của các đương sự: Nguyên đơn có đơn xin vắng mặt, bị đơn không có đơn xin xét xử vắng mặt, và đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[3]. Về nội dung vụ án:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: anh V và chị T cưới nhau vào năm 2013, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Long Bình Đ, Chợ G, tỉnh Tiền Giang vào ngày 18/01/2013 nên là hôn nhân hợp pháp. Sau khi cưới vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng về sau thì phát sinh nhiều mâu thuẫn không thể hàn gắn, vợ chồng đã sống ly thân từ cuối năm 2013 cho đến nay.

Qua trình giải quyết vụ án và tại đơn xin vắng, anh V khẳng định không thể hàn gắn với chị T vì sau khi chị T về nhà mẹ ruột sống anh đã nhiều lần tìm gặp với mong muốn hàn gắn nhưng chị T không đồng ý, đến nay không còn tình cảm nên yêu cầu ly hôn.

[2.2]. Xét thấy, mối quan hệ hôn nhân của anh V và chị T là không thể hàn gắn, vì không có sự vun đắp, xây dựng gia đình từ hai phía, thời gian sống ly thân quá dài, nhưng cả hai vẫn không có biện pháp hàn gắn lại tình cảm. Bị đơn vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án, và cũng không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn xem như từ bỏ các quyền của mình theo quy định tại Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự. Do đó, căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn anh V, cho anh V được ly hôn với chị T.

[2.3]. Về nuôi con chung, tài sản chung và nợ chung: anh V trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3]. Về án phí: Anh Bùi Quang V phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ khoản 1 Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng

án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Bùi Quang V.

- Về hôn nhân: anh Bùi Quang V được ly hôn với chị Phạm Thị Thu T.

- Về con chung: Không có

- Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

2. Về án phí: Anh Bùi Quang V phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0022007 ngày 13 tháng 5 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố M nên anh đã nộp xong.

3. Đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

-VKSND TPMT;

- UBND xã Long Bình Điền, Chợ Gạo, Tiền Giang;

-Những người tham gia tố tụng;

-Lưu.

Đã ký

Cao Thị Trúc Linh